TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 429/2024/DS-PT
Ngày 21-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLPT-DS ngày 25/6/2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2593/2024/QĐ-PT ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971

2.2. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà B, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Do có quen biết và sinh sống cùng địa phương nên bà có tham gia các dây hụi do bà T tổ chức, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 20/01/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đóng được 13 tháng. Trong ngày 20/01/2023, bà T khui 03 dây hụi và bà tham gia cả 03 dây. Bà đã đóng được 13 tháng. Tổng số tiền hụi sống là 195.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 15/4/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đóng hụi được 09 tháng với số tiền hụi sống là 45.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà là 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà T xin giảm tiền hụi nên bà chỉ yêu cầu bà T và ông Đ trả số tiền hụi gốc mà bà đã đóng là 159.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà có cho bà T vay số tiền 220.000.000 đồng đến nay chưa trả được.

Do đó, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ trả lại cho bà số tiền hụi gốc là 159.000.000 đồng và số tiền vay là 220.000.000 đồng. Tổng cộng là 379.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian các dây hụi, số chân hụi và phần hụi mà nguyên đơn tham gia hụi do bà tổ chức.

Tuy nhiên, do trong quá trình tham gia các dây hụi thì có một số hụi viên hốt hụi nhưng không đóng hụi chết dẫn đến việc bà không giao được hụi cho các hụi viên còn lại.

Do đó, bà đề nghị nguyên đơn bớt số tiền hụi, bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hụi gốc đã đóng là 159.000.000 đồng.

Đối với số tiền nợ 220.000.000 đồng thì bà thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này.

Tổng cộng tiền hụi và tiền nợ bà đồng ý trả cho nguyên đơn là 379.000.000 đồng. Bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà T. Ông đồng ý cùng bà T trả lại cho bà P số tiền hụi và vay như bà T trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 471, Bộ luật Dân sự; Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị P số tiền nợ gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Ghi nhận việc bà P không yêu cầu tính lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị P số tiền hụi là 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng).

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/02/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03A/2024/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*".

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Nguyên đơn bà P1 không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của bà T, ông Đ là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn Đ Huyềncó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà P căn cứ các giấy hụi, giấy nợ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T và ông Đ liên đới trả lại số tiền hụi gốc là 159.000.000 đồng và số tiền vay là 220.000.000 đồng, tổng cộng là 379.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, bị đơn thừa nhận có vay số tiền nguyên đơn yêu cầu, thống nhất về số dây hụi, giá trị của từng dây hụi và số phần hụi mà nguyên đơn tham gia. Tuy nhiên, do bể hụi, do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

[2.2] Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sự thừa nhận của bà T, ông Đ đối với số tiền nợ vay, nợ hụi là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Hơn nữa, bà T, ông Đ cũng đồng ý trả số tiền trên nên cấp sơ thẩm buộc bà T, ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà T, ông Đ về việc trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, do các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trong các giao dịch vay, hụi với nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay, nợ hụi. Việc xin trả dần của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, đồng thời pháp luật cũng không có quy định nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[54] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị P số tiền nợ gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Ghi nhận việc bà P không yêu cầu tính lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả lại cho bà Trần Thị P số tiền hụi là 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/02/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03A/2024/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*".

[3.] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới nộp 18.950.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001434 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Phan Văn Đ mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000880 và 0000877 cùng ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng